

CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ XÂY DỰNG GOAT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ XÂY DỰNG GOAT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GOAT TRANSPORTATION AND CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GOAT TRANSPORTATION AND CONSTRUCTION CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110606629

3. Ngày thành lập: 18/01/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 8, Tòa nhà Leadvisors Tower 643 Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0792436902

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ dầu giá tài sản)	4530
9.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (Không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4542
10.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
12.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ mua bán vàng miếng).	4662
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ hoạt động bên thủy nội địa)	4663

14.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm hóa chất cấm theo quy định của Luật đầu tư; trừ gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dược phẩm, vàng miếng)	4669
15.	Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).	8292
16.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7110
17.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (trừ thiết kế công trình xây dựng, giám sát thi công, khảo sát xây dựng)	7410
18.	Cho thuê xe có động cơ	7710
19.	Bán buôn tổng hợp	4690
20.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Không hoạt động tại trụ sở)	2392
21.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao (Không hoạt động tại trụ sở)	2394
22.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao (Không hoạt động tại trụ sở)	2395
23.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
24.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
25.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ dầu giá tài sản)	4791
26.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành (trừ môi giới bất động sản).	4921
27.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
28.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
29.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
30.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).	4933
31.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
32.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).	5012
33.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
34.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
35.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh kho bãi)	5210
36.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (trừ kinh doanh bến bãi ô tô, hóa lỏng khí để vận chuyển)	5221

37.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5222
38.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không).	5224
39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).	5225
40.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không)	5229
41.	Bưu chính	5310
42.	Chuyển phát	5320
43.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
44.	Sửa chữa máy móc, thiết bị (Không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3312
45.	Sửa chữa thiết bị điện (Không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3314
46.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
47.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3320
48.	Sản xuất điện (Không hoạt động tại trụ sở)	3511
49.	Truyền tải và phân phối điện (Không hoạt động tại trụ sở) (Trừ truyền tải và phân phối hệ thống điện quốc gia)	3512
50.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
51.	Xây dựng nhà không để ở	4102
52.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
53.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
54.	Xây dựng công trình điện	4221
55.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
56.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
57.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
58.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
59.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
60.	Phá dỡ	4311
61.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: Loại trừ hoạt động nổ mìn	4312
62.	Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải xi mạ điện tại trụ sở)	4321

